HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP NĂM 2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP MÔN LÝ THUYẾT HỆ CAO ĐẲNG NGHỀ

Ngày thi: 24/09/2016

TT	HỌ VÀ TÊN		SBD	NĂM SINH	MÃ SV	LỚP	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
							Bằng số	*Bằng chữ*	
1	Nguyễn Trọng Na	**Dương**	103	11/10/1988	B12DNUD025	C12DNUD02-B	7,6	Bảy phẩy sáu	
2	Hoàng Anh	**Sơn**	131	07/04/1994	B12DNUD046	C12DNUD02-B	5,6	Năm phẩy sáu	
3	Kiều Bá	**Hùng**	112	11/09/1994	B12DNUD116	C12DNUD04-B	6,6	Sáu phẩy sáu	
4	Vũ Văn	**Độ**	106	25/12/1990	B13DNUD006	C13DNTW 01-B	6,6	Sáu phẩy sáu	
5	Phạm Thu	**Hằng**	110	16/08/1995	B13DNKT003	C13DNTW 01-B	6,2	Sáu phẩy hai	
6	Nguyễn Quý	**Linh**	119	06/04/1994	B13DNTW009	C13DNTW 01-B	5,0	Năm phẩy không	
7	Dương Thị	**Tâm**	133	26/12/1995	B13DNTW015	C13DNTW 01-B	6,2	Sáu phẩy hai	
8	Nguyễn Ngọc	**Tùng**	136	27/05/1995	B13DNTW017	C13DNTW 01-B	5,8	Năm phẩy tám	
9	Phan Lạc	**Tùng**	137	13/08/1995	B13DNTW018	C13DNTW 01-B	6,8	Sáu phẩy tám	
10	Đặng Tuấn	**Đạt**	104	18/02/1994	B13DNUD004	C13DNUD01-B	6,8	Sáu phẩy tám	
11	Phan Trung	**Hải**	109	29/07/1993	B13DNUD088	C13DNUD01-B	7,0	Bảy phẩy không	
12	Hoàng Nguyên	**Hiệp**	111	22/02/1995	B13DNUD089	C13DNUD01-B	7,0	Bảy phẩy không	
13	Nguyễn Trung	**Huy**	114	28/09/1993	B13DNUD014	C13DNUD01-B	6,4	Sáu phẩy bốn	
14	Bùi Thị Ngọc	**Linh**	118	19/11/1995	B13DNTW010	C13DNUD01-B	6,8	Sáu phẩy tám	
15	Phạm Bình	**Minh**	123	01/09/1990	B13DNUD019	C13DNUD01-B	6,8	Sáu phẩy tám	
16	Nguyễn Văn	**Thường**	144	07/03/1993	B13DNUD027	C13DNUD01-B	7,0	Bảy phẩy không	
17	Trần Văn	**Trung**	145	09/06/1995	B13DNUD072	C13DNUD01-B	6,8	Sáu phẩy tám	
18	Trần Tiến	**Vinh**	147	12/08/1995	B13DNUD033	C13DNUD01-B	5,2	Năm phẩy hai	
19	Trịnh Dương	**Danh**	102	12/10/1995		C13DNUD01-K	5,2	Năm phẩy hai	
20	Dương Nhật	**Huy**	113	01/11/1995		C13DNUD01-K	5,2	Năm phẩy hai	
21	Hà	**Nam**	124	21/10/1994		C13DNUD01-K	5,8	Năm phẩy tám	
22	Nguyễn Thanh	**Nhi**	127	28/01/1995		C13DNUD01-K	4,8	Bốn phẩy tám	
23	Huỳnh Công	**Phùng**	129	15/5/1995		C13DNUD01-K	5,0	Năm phẩy không	
24	Phạm Minh	**Sang**	130	13/7/1995		C13DNUD01-K	5,4	Năm phẩy bốn	
25	Hoàng Trung	**Thành**	139	18/11/1994		C13DNUD01-K	5,0	Năm phẩy không	
26	Nguyễn Thành	**Công**	100	29/07/1993	B13DNUD002	C13DNUD02-B	7,6	Bảy phẩy sáu	
27	Phan Văn	**Cường**	101	22/02/1995	B13DNUD074	C13DNUD02-B	6,2	Sáu phẩy hai	
28	Trịnh Viết	**Đoàn**	105	02/02/1995	B13DNUD044	C13DNUD02-B	5,8	Năm phẩy tám	
29	Lô Xuân	**Đồng**	107	22/10/1995	B13DNUD007	C13DNUD02-B	7,4	Bảy phẩy bốn	
30	Tống Anh	**Đức**	108	19/11/1995	B13DNUD008	C13DNUD02-B	6,6	Sáu phẩy sáu	
31	Nguyễn Văn	**Khuyến**	116	01/09/1990	B13DNUD050	C13DNUD02-B	6,4	Sáu phẩy bốn	
32	Nguyễn Khắc	**Kiên**	115	14/12/1995	B13DNUD049	C13DNUD02-B	6,4	Sáu phẩy bốn	
33	Trương Thị	**Lê**	117	14/11/1995	B13DNUD081	C13DNUD02-B	7,2	Bảy phẩy hai	
34	Đỗ Thành	**Long**	120	19/10/1995	B13DNUD085	C13DNUD02-B	6,6	Sáu phẩy sáu	

TT	HỌ VÀ TÊN		SBD	NĂM SINH	MÃ SV	LỚP	ĐIỂM THI		GHI CHÚ
							Bằng số	*Bằng chữ*	
35	Nguyễn Văn	**Lực**	122	07/03/1993	B13DNUD017	C13DNUD02-B	7,0	Bảy phẩy không	
36	Phạm Thị	**Luyến**	121	09/06/1995	B13DNTW019	C13DNUD02-B	6,4	Sáu phẩy bốn	
37	Lê Xuân	**Nghĩa**	125	12/08/1995	B13DNUD022	C13DNUD02-B	5,6	Năm phẩy sáu	
38	Lê Minh	**Phúc**	128	10/01/1995	B13DNUD078	C13DNUD02-B	4,8	Bốn phẩy tám	
39	Trần Ngọc	**Sỹ**	132	06/07/1995	B13DNUD060	C13DNUD02-B	5,8	Năm phẩy tám	
40	Đinh Trần Thiên	**Thăng**	141	03/05/1995	B13DNUD062	C13DNUD02-B	5,0	Năm phẩy không	
41	Lý Phú	**Thắng**	142	05/05/1995	B13DNUD063	C13DNUD02-B	4,8	Bốn phẩy tám	
42	Hoàng Thị	**Thanh**	138	19/11/1984	B13DNUD070	C13DNUD02-B	5,4	Năm phẩy bốn	
43	Nguyễn Tiến	**Thành**	140	25/08/1994	B13DNUD061	C13DNUD02-B	5,4	Năm phẩy bốn	
44	Hoàng Thị Anh	**Thư**	143	27/12/1995	B13DNKT009	C13DNUD02-B	5,6	Năm phẩy sáu	
45	Nguyễn Xuân	**Toàn**	134	10/06/1995	B13DNUD086	C13DNUD02-B	5,2	Năm phẩy hai	
46	Nguyễn Văn	**Trường**	146	20/11/1994	B12DNUD055	C13DNUD02-B	5,4	Năm phẩy bốn	
47	Huỳnh Ngọc	**Tú**	135	19/02/1995	B13DNUD065	C13DNUD02-B	5,6	Năm phẩy sáu	

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2016